

Số: 02/TB- THS2NS

Na Sang, ngày 21 tháng 1 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc xét duyệt bổ sung chế độ học sinh bán trú đề nghị hưởng chế độ chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP; xét duyệt học sinh khuyết tật đề nghị hưởng chế độ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập 5 tháng đầu năm 2026; chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 238/2025/NĐ-CP học kỳ II, năm học 2025-2026

Kính gửi:

- Cán bộ giáo viên, nhân viên PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang;
- Cha mẹ học sinh Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang.

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú có hiệu lực từ ngày 18/3/2023 và thay thế Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 2/8/2010; Thông tư số 30/2015/TT-BGDĐT ngày 11/12/2015;

Căn cứ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên bộ GD&ĐT, bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính về quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ văn bản số 245/HD-UBND ngày 21 tháng 1 năm 2026 của UBND xã Na Sang V/v hướng dẫn thực hiện chính sách đối với học sinh, học kỳ II năm học 2025-2026;

Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang thông báo về chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025, bổ sung

chế độ học sinh bán trú đề nghị hưởng chế độ chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP; chế độ học sinh khuyết tật theo liên thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên bộ GD&ĐT, bộ LĐTB&XH như sau:

A. ĐỐI VỚI HỌC SINH HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP.

I. Đối tượng (Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)

1. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **mồ côi cả cha lẫn mẹ**.

2. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là **người khuyết tật**.

3. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, **xã khu vực III** vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc học tại cơ sở giáo dục ở địa bàn khác theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo không có cơ sở giáo dục.

II. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chính sách (Khoản 5, Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)

1. Đối với học sinh thuộc xã khu vực 3 gồm:

Đơn đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo mẫu tại phụ lục II(N.Đ238/2025 của Chính phủ).

2. Đối với học sinh thuộc các đối tượng còn lại theo Điều 17/N.Đ 238 hồ sơ gồm một trong các loại sau:

- Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

- Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp áp dụng đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

- Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

(Hồ sơ nộp: Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ trên)

B. ĐỐI VỚI HỌC SINH BÁN TRÚ.

1. Đối tượng được hưởng chính sách theo ND 66/2025/NĐ-CP:

Học sinh học tại Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang được hưởng chế độ học sinh bán trú thuộc đối tượng sau:

Học sinh tiểu học đang học tại nhà trường thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, nhà ở xa trường từ 4 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

b) Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mức hỗ trợ:

Được hưởng chính sách đối với học sinh bán trú: theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 6, cụ thể như sau:

a) *Hỗ trợ tiền ăn*: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng là 936.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

b) *Hỗ trợ tiền nhà ở*: Mỗi học sinh bán trú, học viên bán trú phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí chỗ ở trong trường hoặc học sinh lớp 1, lớp 2, học sinh 2 khuyết tật có nhu cầu tự túc chỗ ở gần trường để người thân chăm sóc thì mỗi tháng được hỗ trợ 360.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

c) *Hỗ trợ gạo*: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

d) *Học sinh bán trú lớp 1 là người dân tộc thiểu số* có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 6 nghị định 66/2025/NĐ-CP của Chính Phủ.

3. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chính sách.

1) Đơn đề nghị hưởng chính sách (theo Mẫu số 04 tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP);

2) Danh sách học sinh bán trú đề nghị hưởng chính sách (theo Mẫu số 06 tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP)

C. ĐỐI TƯỢNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT.

1. Đối tượng.

Học sinh là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang học tại trường.

2. Chính sách hỗ trợ

- Được quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, cụ thể:

+ Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

+ Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách đang học tập tại trường được cấp học bổng 9 tháng/năm học.

+ Không áp dụng chế độ này đối với các đối tượng người khuyết tật đã được hưởng học bổng chế độ chính sách theo quy định tại Quyết định số 152/2007/QĐTTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Người khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đang học tại các cơ sở giáo dục được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm học.

+ Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

2. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chính sách gồm:

1) Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (*bản sao có công chứng*)

2) Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã cấp (*bản sao có công chứng*)

D. THỜI GIAN VÀ CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT DUYỆT:

- Thời gian xét duyệt: ½ ngày 27 tháng 1 năm 2026

- Nộp hồ sơ cho Giáo viên chủ nhiệm vào cuối buổi học từ ngày 23/1/2026 đến hết ngày 26/1/2026.

D. HÌNH THỨC CHI TRẢ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO HỌC SINH

Chi trả chế độ chính sách đối với học sinh bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; bằng hình thức chuyển khoản.

Trên đây là thông báo thông báo về chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2020; chế độ học sinh khuyết tật theo thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC; chế độ học sinh bán trú theo nghị định 66/2025/NĐ-CP cho học sinh, học kỳ II năm học 2025-2026 của Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND xã (b/c);
- Phòng VH-XH (b/c);
- GV, NV (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mai Anh

